

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI  
KHOA BẢO TÀNG

\*\*\*\*\*

**TRẦN THỊ THANH NHÀN**

**CÔNG TÁC GIÁO DỤC CỦA BẢO TÀNG**  
(TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU  
BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

NGÀNH BẢO TÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

HÀ NỘI – 2010

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI .....	1
2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI .....	4
3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU .....	5
4. CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	5
4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn .....	5
4.2. Phương pháp nghiên cứu.....	5
5. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	5
5.1. Đối tượng .....	5
5.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
6. Ý NGHĨA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	6
7. BỐ CỤC CỦA KHÓA LUẬN.....	6
<b>CHƯƠNG 1. BẢO TÀNG VÀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC .....</b>	<b>7</b>
1.1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN.....	7
1.1.1. Bảo tàng là gì .....	7
1.1.2. Giáo dục là gì .....	11
1.1.3. Giáo dục bảo tàng là gì .....	13
1.1.4. Một số thuật ngữ liên quan đến đề tài.....	16
1.2. MỘT SỐ HÌNH THỨC GIÁO DỤC BẢO TÀNG MỚI VÀ TIÊN TIẾN.....	19
<b>CHƯƠNG 2. CÁC HÌNH THỨC GIÁO DỤC CỦA BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM.....</b>	<b>26</b>
2.1. TỔNG QUAN VỀ BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM..	26

2.1.1. Sự ra đời, quá trình hình thành và phát triển .....	26
2.1.2. Phòng Trưng bày – Tuyên truyền Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam .....	37
2.2. CÁC HÌNH THỨC GIÁO DỤC HIỆN TẠI.....	39
2.2.1. Giáo dục tại bảo tàng .....	39
2.2.2. Giáo dục ngoài bảo tàng.....	45

### **CHƯƠNG 3. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CỦA BẢO TÀNG – MỘT SỐ SUY NGHĨ VÀ ĐỀ XUẤT .....**

3.1. ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VÀ QUAN ĐIỂM VỀ GIÁO DỤC BẢO TÀNG.....	51
3.2. PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC GIÁO DỤC BẢO TÀNG.....	52
3.3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NĂNG LỰC THỰC HÀNH .....	56
3.4. LIÊN KẾT PHỐI HỢP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢO TÀNG .....	58
3.4.1. Liên kết trong bảo tàng .....	58
3.4.2 Liên kết ngoài bảo tàng.....	61
3.5. QUẢNG BÁ, GIỚI THIỆU NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA XÃ HỘI VỀ BẢO TÀNG VÀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC BẢO TÀNG.....	65
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>68</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI**

Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo của con người trong quá khứ và trong hiện tại. Các hoạt động sáng tạo đó đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống, thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng và bản sắc của mỗi dân tộc. Bước sang thế kỷ XXI, khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ nhanh chưa từng thấy, kinh tế phát triển, xu hướng quốc tế hóa mở rộng, văn hóa ngày càng có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Văn hóa tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của mỗi quốc gia, là cầu nối để các quốc gia xích lại gần nhau, mở mang sự hiểu biết lẫn nhau, hình thành tinh thần hữu nghị, ý thức bảo vệ hòa bình thế giới, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, văn hóa toàn cầu.

Các dự báo khoa học về thế giới thế kỷ XXI đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được vai trò quan trọng của văn hóa, trong nhiều chỉ thị, Nghị quyết, Đảng ta đã khẳng định công cuộc phát triển của đất nước Việt Nam phải được xây dựng trên nền móng vững chắc của văn hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, chỉ rõ: “Văn hóa có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp phát triển xã hội và xây dựng con người. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”.

Bảo tàng là một thiết chế văn hóa đặc thù. Bảo tàng ra đời và phát triển cùng với sự phát triển về văn hóa, giáo dục, nhằm thỏa mãn các nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghiên cứu, khám phá thế giới tự nhiên, xã hội, khám phá kho tàng tri thức, kinh nghiệm của nhân loại.

Bảo tàng có tác dụng to lớn đến đời sống văn hóa tinh thần của nhân loại. Bảo tàng là cầu nối quá khứ với hiện tại, tương lai, giúp con người biến những giá trị văn hóa tiềm tàng thành những giá trị văn hóa hiện thực, định hướng cho mọi hoạt động của con người trong tương lai.

Ở Việt Nam, từ lâu đời, mỗi đình chùa có thể được xem như một bảo tàng nhỏ. Ở đó sử dụng nhiều chức năng kết hợp với nhau, trong đó có chức năng bảo vệ các di sản văn hóa và giáo dục truyền thống. Điều đó cho thấy việc lưu giữ các di sản văn hóa cả vật thể và phi vật thể và phát huy chúng là một thực tiễn có từ xa xưa, là truyền thống, tập quán của nhiều thế hệ.

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 65 SL/CTP nêu rõ: “*Xét rằng việc bảo tồn cổ tích là việc rất cần cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam*”. Điều đó cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của việc bảo vệ các di sản văn hóa dân tộc đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sắc lệnh này là mốc lớn trong lịch sử hình thành và phát triển của ngành bảo tồn, bảo tàng Việt Nam.

Năm 1954, miền Bắc được giải phóng, đến năm 1959, một số bảo tàng chủ chốt của nước ta được xây dựng, mở cửa đón khách tham quan. Các bảo tàng không chỉ là cơ quan nghiên cứu, gìn giữ những giá trị tinh thần và truyền thống văn hóa của dân tộc mà còn là trường học lớn giáo dục tri thức, truyền thống, đạo đức, lối sống, trao truyền kinh nghiệm, nâng cao nhận thức và lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ người Việt Nam, góp phần thực sự tạo nên nguồn lực con người Việt Nam. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ IV đã chỉ ra: “*Công tác bảo tồn, bảo tàng có tác dụng giáo dục sâu sắc cho quần chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ về lòng yêu nước, tình cảm cách mạng trong sáng*”.

Ngày nay, trước những phát minh kỳ diệu của nhân loại trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ, xu hướng quốc tế hóa mở rộng, các bảo tàng Việt Nam càng có điều kiện làm cho những giá trị ưu tú, độc đáo của di sản văn hóa Việt Nam tỏa sáng ra bên ngoài, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xem đó là nguồn dinh dưỡng và chất kích thích mới để phát huy thêm sức mạnh văn hóa Việt Nam.

Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam là một trong những bảo tàng lớn nhất của quốc gia. Bảo tàng này bắt đầu xây dựng từ năm 1956, chính thức mở cửa đón khách tham quan vào ngày 22/12/1959. Thuộc loại hình lịch sử xã hội, với hơn 150.000 hiện vật, bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam đã tái hiện một cách sống động lịch sử, văn hóa quân sự Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đầu tiên của các Vua Hùng đến thời đại Hồ Chí Minh. Trong hơn nửa thế kỷ qua, sự tồn tại và phát triển của bảo tàng cho thấy sự cần thiết, vai trò quan trọng và hiệu quả xã hội to lớn của bảo tàng đối với đời sống văn hóa của quốc gia. Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam thực sự trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục lịch sử và văn hóa quân sự.

Khái niệm về Bảo tàng của nước ta được định nghĩa như sau: “Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người, nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.” (Luật di sản văn hóa sửa đổi năm 2009). Đọc qua khái niệm trên chúng ta có thể hiểu được phần nào về vai trò, chức năng của bảo tàng. Trong các chức năng đó, chức năng giáo dục của bảo tàng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thông qua các hình thức hoạt động của mình, công tác giáo dục đã chuyển giao có mục đích rõ ràng các thông tin, những tri thức về khoa học, lịch sử, văn hóa giúp cho việc hình

thành thế giới quan, giáo dục tư tưởng đạo đức, thẩm mỹ cho con người phát triển toàn diện.

Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam cũng giống như các bảo tàng khác chứa đựng trong nó những chức năng cơ bản như: lưu giữ, bảo quản, trưng bày... và đặc biệt là chức năng giáo dục. Tuy nhiên, hiện nay khái niệm giáo dục của bảo tàng vẫn còn nhiều người hiểu chưa chính xác, sâu sắc về bản chất của hai từ “giáo dục”. Nhiều người vẫn nghĩ rằng công tác giáo dục của bảo tàng chỉ đơn thuần là đón khách tham quan, thuyết minh giới thiệu nội dung trưng bày, nhưng thực tế khái niệm: “giáo dục” của bảo tàng có nội hàm sâu hơn, phạm vi hoạt động rộng hơn và các hình thức phong phú hơn.

Là sinh viên được thực tập ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, qua quá trình nghiên cứu công tác giáo dục của bảo tàng chúng tôi nhận thấy những điểm mạnh, tiềm năng về giáo dục. Bên cạnh đó tôi cũng nhận thấy những nhu cầu, những câu hỏi đang đặt ra đối với công tác giáo dục nếu như nhìn nhận vấn đề này một cách toàn diện và sâu sắc hơn. Vì vậy, tôi đã mạnh dạn chọn vấn đề này làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Hy vọng rằng, qua nghiên cứu, tôi sẽ thu thập và hệ thống được một số nhận thức mới về giáo dục và góp phần đề xuất biện pháp thiết thực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục bảo tàng nói chung và công tác giáo dục của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam nói riêng.

## **2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

- Ở nước ta các công trình nghiên cứu, dịch thuật về bảo tàng học rất ít và chưa có tính hệ thống. Tuy nhiên để nghiên cứu vấn đề này có thể tham khảo một số kỷ yếu hội thảo hoặc seminar, hoặc báo cáo công tác của một số bảo tàng.

- Tài liệu về công tác giáo dục của các bảo tàng ở nước ngoài rất phong phú, tổ chức Hội đồng Bảo tàng quốc tế (ICOM) có một Ủy ban chuyên nghiên cứu vấn đề này. Song, việc dịch thuật và phổ biến các tài liệu này ở Việt Nam còn rất ít.

- Theo chúng tôi biết, chưa có chuyên khảo riêng về công tác giáo dục bảo tàng, đặc biệt ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Tuy vậy tôi đã cố gắng thực hiện đề tài này.

### **3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU**

- Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục bảo tàng. Từ đó khái quát, rút ra những quan điểm nội dung có tính lý luận làm cơ sở đề xuất các biện pháp đổi mới công tác giáo dục bảo tàng.

- Kết quả nghiên cứu của khóa luận góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục bảo tàng, góp phần cung cấp những luận cứ cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

### **4. CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn**

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin; các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan; các tài liệu tổng kết thực tiễn cùng với kết quả khảo sát về công tác giáo dục của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng các phương pháp lịch sử và lô gích, phân tích và tổng hợp, so sánh và đối chiếu, điều tra xã hội học và các phương pháp khác để đạt được mục tiêu và nhiệm vụ khóa luận đặt ra.

### **5. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

#### **5.1. Đối tượng**

- Nghiên cứu các chương trình giáo dục ở bảo tàng, tiếp cận nghiên cứu Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.



- Khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học, phỏng vấn khách tham quan trong nước và quốc tế khi đến Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

### **5.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Nghiên cứu lý luận về Bảo tàng học, giáo dục bảo tàng.  
- Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo Tàng Dân tộc học Việt Nam và một số bảo tàng trên địa bàn Hà Nội.

## **6. Ý NGHĨA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

- Góp phần làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn về vai trò của giáo dục bảo tàng, hiệu quả và xu thế phát triển giáo dục bảo tàng.  
- Đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục bảo tàng ở các bảo tàng Việt Nam nói chung và Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam nói riêng.

## **7. BỐ CỤC CỦA KHÓA LUẬN**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, và phần phụ lục, bố cục khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Bảo tàng và chức năng giáo dục
- Chương 2: Các hình thức giáo dục của Bảo tàng LSQS Việt Nam
- Chương 3: Công tác giáo dục của bảo tàng - Một số suy nghĩ và đề xuất

Tuy nhiên vì thời gian nghiên cứu ngắn, trình độ của bản thân còn nhiều hạn chế cho nên trong bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót hạn chế. Em rất mong được các thầy, các cô và các bạn chỉ bảo để khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 6/2010

Sinh viên

Trần Thị Thanh Nhân

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kaulen M.E. (2006), Sự nghiệp Bảo tàng của nước Nga, Đỗ Minh Cao dịch, Nxb Thế giới.
2. Timothy Ambrose và Crispin Paine (2000), Cơ sở Bảo tàng, Lê Thị Thúy Hoàn dịch, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Hà Nội.
3. Vương Hoàng Quân (2008), Cơ sở bảo tàng học Trung Quốc, Nguyễn Duy Chiêm - Nguyễn Thị Hương dịch, Nxb Thế giới.
4. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (1997), Sự nghiệp bảo tàng những vấn đề cấp thiết, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (1998), Bảo tàng với sự nghiệp CNH – HĐH, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
6. Bảo tàng Cách mạng (2001), Cẩm nang bảo tàng, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
7. Bảo tàng LSQS Việt Nam (1999), Sổ tay công tác tuyên truyền
8. Bảo tàng LSQS Việt Nam (2000), Đề cương bài giảng công tác giáo dục tuyên truyền hướng dẫn khách tham quan.
9. Bảo tàng LSQS Việt Nam (2005), Đề cương bài giảng – lớp tập huấn nghiệp vụ cán bộ bảo tàng QĐND Lào.
10. Bảo tàng LSQS Việt Nam (1999), Đổi mới hoạt động hệ thống bảo tàng trong quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng giai đoạn mới, Nxb Quân đội Nhân dân.
11. Trịnh Xuân Dũng (1999), Hướng dẫn viên du lịch, Nxb giáo dục, Hà Nội.
12. Phạm Minh Hạc (1997), Tâm lý học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Nguyễn Thu Hằng (2002), Bảo tàng Phòng không – Không quân với hoạt động tuyên truyền – giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng, Luận văn Thạc sỹ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.

14. Nguyễn Thị Huệ (2008), Cơ sở bảo tàng học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Sổ ghi cảm tưởng của Bảo tàng LSQS Việt Nam.
16. Tài liệu thuyết minh của Bảo tàng LSQS Việt Nam.
17. Nguyễn Toàn Thịnh (2001), Công tác tuyên truyền – giáo dục của Bảo tàng Biên Phòng (từ 1990 đến nay), Luận văn tốt nghiệp, Hà Nội.
18. Lâm Bình Tường – Mai Khắc Ứng – Phạm Xanh – Đặng Văn Bài (1980), sổ tay công tác Bảo tàng, Nxb Văn hó, Hà Nội.
19. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (1990), Cơ sở Bảo tàng học (3 tập), Hà Nội.
20. Phạm Viêt Vượng (2000), Giáo dục học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.